CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng, bao gồm: trách nhiệm quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng; trình tự thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng; quyền và nghĩa vụ của chủ bằng bảo hộ và tác giả giống cây trồng; chuyển giao, chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ; đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam;

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài là các đối tượng được quy định tại khoản 18 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ đơn là tổ chức, cá nhân có quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Người nộp đơn là chủ đơn hoặc người đại diện hợp pháp của chủ đơn.

3. Chủ bằng bảo hộ giống cây trồng là tổ chức, cá nhân được cấp bằng bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

4. Tác giả giống cây trồng là người trực tiếp chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng mới; trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng mới thì họ là đồng tác giả.

5. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng là Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng đặt tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Nước có ký với Việt Nam thỏa thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng là quốc gia thành viên của Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV) hoặc quốc gia có ký thỏa thuận song phương với Việt Nam về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

7. Phát hiện và phát triển giống cây trồng mới:

a) Phát hiện giống cây trồng mới là hoạt động chọn lọc biến dị tự nhiên;

b) Phát triển giống cây trồng mới là quá trình nhân và đánh giá biến dị tự nhiên đó.

8. Bản mô tả chi tiết của giống cây trồng (gọi là Bản mô tả giống) là tài liệu thể hiện các tính trạng của giống cây trồng theo quy phạm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và được xác nhận của cơ quan bảo hộ giống cây trồng. Bản mô tả giống được coi là đã công bố khi phát hành tới công chúng dưới các hình thức như: báo cáo khoa học, bản tin, báo, tạp chí hoặc các ấn phẩm khác.

Điều 4. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng trên phạm vi cả nước, có trách nhiệm:

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

b) Cấp mới, cấp lại, thu hồi, đình chỉ, hủy bỏ văn bằng bảo hộ giống cây trồng;

c) Ban hành danh mục loài cây trồng được bảo hộ; quy phạm khảo nghiệm kỹ thuật giống cây trồng;

d) Quy định tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan bảo hộ giống cây trồng; chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân khảo nghiệm kỹ thuật;

đ) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

e) Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính trong việc thực hiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

g) Hợp tác quốc tế về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

h) Quản lý hoạt động đại diện quyền đối với giống cây trồng; ghi nhận, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

i) Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

k) Ban hành các biểu mẫu về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu phí, lệ phí; quản lý và sử dụng phí, lệ phí về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

3. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính trong việc thực hiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương.

Chương II

TRÌNH TỰ THỦ TỤC XÁC LẬP QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 6. Đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển bằng ngân sách nhà nước

1. Giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển toàn bộ bằng ngân sách nhà nước thì tổ chức trực tiếp chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng đó được Nhà nước giao quyền chủ sở hữu; là chủ đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng và được thực hiện quyền của chủ bằng bảo hộ quy định tại Điều 186 Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có một phần từ ngân sách nhà nước thì tổ chức được Nhà nước giao sử dụng vốn trực tiếp tham gia chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng đó được giao quyền chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước và thực hiện quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà nước.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ đơn và đại diện của chủ đơn

1. Người nộp đơn có trách nhiệm bảo đảm sự trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp cho cơ quan bảo hộ giống cây trồng trong quá trình đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng:

a) Mọi tài liệu giao dịch phải được chủ đơn tự xác nhận bằng chữ ký của mình hoặc của đại diện, được đóng dấu xác nhận của tổ chức (nếu có);

b) Mọi bản dịch ra tiếng Việt của các tài liệu tiếng nước ngoài phải bảo đảm là dịch nguyên văn từ bản gốc.

2. Chủ đơn phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả và nghĩa vụ phát sinh do đại diện của chủ đơn thực hiện trong giao dịch với cơ quan bảo hộ giống cây trồng.

3. Đại diện của chủ đơn phải chịu trách nhiệm trước chủ đơn về mọi hậu quả do việc khai báo, cung cấp thông tin không trung thực gây ra trong giao dịch với cơ quan bảo hộ giống cây trồng, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 8. Đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại Điều 174 của Luật Sở hữu trí tuệ được lập thành 02 bộ, nộp tại cơ quan bảo hộ giống cây trồng.

2. Đơn của tổ chức, cá nhân thuộc các nước có ký kết với Việt Nam thỏa thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại khoản 18 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ nhưng không có địa chỉ nơi ở hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 174 của Luật Sở hữu trí tuệ phải có giấy tờ cần thiết đủ căn cứ xác nhận quốc tịch hoặc trụ sở.

3. Trường hợp đơn của tổ chức, cá nhân không thuộc nước có ký với Việt Nam thỏa thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng cần có tài liệu chứng minh có địa chỉ nơi ở hoặc trụ sở đăng ký hợp pháp tại một nước có ký kết với Việt Nam thỏa thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 9. Thủ tục nộp đơn đề nghị hưởng quyền ưu tiên

Đối với đơn có đủ điều kiện yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Sở hữu trí tuệ, để được hưởng quyền ưu tiên, người nộp đơn phải thực hiện các thủ tục sau:

1. Đăng ký yêu cầu hưởng quyền ưu tiên trong tờ khai đăng ký bảo hộ theo mẫu quy định.

2. Nộp lệ phí xét hưởng quyền ưu tiên theo quy định.

3. Trong vòng chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ, người nộp đơn phải cung cấp các tài liệu sau:

a) Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên có xác nhận của cơ quan đã nhận đơn đăng ký bảo hộ trước đó;

b) Bằng chứng xác nhận giống cây trồng đăng ký ở hai đơn là một giống: bản mô tả giống, ảnh chụp, các tài liệu liên quan khác (nếu có);

c) Bản sao hợp lệ giấy chuyển giao, thừa kế, kế thừa quyền ưu tiên, nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác.

Điều 10. Nhận đơn đăng ký bảo hộ

1. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng nhận đơn theo một trong các hình thức sau:

a) Nhận trực tiếp từ người nộp đơn;

b) Nhận đơn qua bưu điện. Trường hợp đơn được gửi qua bưu điện, ngày nộp đơn được xác định là ngày gửi đơn theo dấu bưu điện.

c) Nhận đơn qua mạng công nghệ thông tin.

2. Khi nhận đơn, cơ quan bảo hộ giống cây trồng phải đóng dấu xác nhận ngày nộp đơn; ghi số đơn, vào sổ đăng ký tiếp nhận đơn; gửi 01 bộ cho người nộp đơn.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc nhận đơn, sửa đổi, bổ sung, chuyển nhượng quyền nộp đơn, chuyển nhượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.

Điều 11. Thẩm định hình thức đơn

1. Thẩm định hình thức đơn gồm các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lệ của đơn;

b) Kiểm tra các tài liệu kèm theo đơn theo quy định tại Điều 174 của Luật Sở hữu trí tuệ và các Điều 6, 7, 8, 9 của Nghị định này.

2. Đơn không hợp lệ về hình thức là đơn không đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Đối với đơn không yêu cầu hưởng quyền ưu tiên: thiếu một trong các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 174 của Luật Sở hữu trí tuệ. Đối với đơn có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên: thiếu một trong các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 174 của Luật Sở hữu trí tuệ hoặc thiếu một trong các thủ tục quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Các tài liệu trong đơn không theo mẫu quy định hoặc thiếu các thông tin trong mẫu đăng ký;

c) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 174 Luật Sở hữu trí tuệ không được dịch sang tiếng Việt;

d) Các tài liệu trong đơn bị tẩy xóa, rách nát hoặc mờ không đọc được;

đ) Bản sao hợp lệ các tài liệu có liên quan;

e) Đơn do người không có quyền nộp đơn nộp; trường hợp quyền đăng ký thuộc nhiều tổ chức, cá nhân thì phải có sự đồng ý của tất cả các tổ chức, cá nhân đó.

3. Xử lý đơn không hợp lệ:

a) Những đơn thuộc điểm b, khoản 2, Điều 176 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm e khoản 1 Điều này, cơ quan bảo hộ giống cây trồng từ chối đơn đăng ký bảo hộ và thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn;

b) Những đơn thuộc điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này, cơ quan bảo hộ giống cây trồng thực hiện theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 176 Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Thời hạn ba mươi (30) ngày quy định tại điểm b khoản 3 Điều 176 Luật Sở hữu trí tuệ được xác định theo dấu bưu điện nơi nhận thông báo. Trường hợp dấu bưu điện mờ không đọc được, thời hạn này được xác định là bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày cơ quan bảo hộ giống cây trồng gửi thông báo.

Điều 12. Thẩm định nội dung đơn

Việc thẩm định nội dung đơn đăng ký bảo hộ quy định tại Điều 178 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:

1. Thẩm định tên của giống cây trồng theo Điều 13 của Nghị định này;

2. Thẩm định tính mới của giống cây trồng theo Điều 14 của Nghị định này;

3. Thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật (khảo nghiệm DUS) theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này.

Điều 13. Thẩm định tên giống cây trồng

1. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng thẩm định sự phù hợp của tên giống cây trồng được đề xuất so với tên của các giống cây trồng cùng loài hoặc loài gần với loài của giống cây trồng đó đã được thừa nhận ở Việt Nam hoặc bất kỳ quốc gia nào có ký với Việt Nam thỏa thuận về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Trường hợp tên giống cây trồng đăng ký bảo hộ không phù hợp theo quy định, cơ quan bảo hộ giống cây trồng thông báo cho người nộp đơn thay đổi tên giống cây trồng theo quy định. Trong thời hạn ba mười (30) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan bảo hộ giống cây trồng, người nộp đơn phải đề xuất tên gọi mới của giống cây trồng phù hợp theo quy định. Quá thời hạn trên, người nộp đơn không đề xuất tên gọi mới phù hợp, cơ quan bảo hộ giống cây trồng có quyền từ chối đơn.

3. Trường hợp người nộp đơn muốn thay đổi tên giống cây trồng, trong thời gian từ khi nộp đơn đến trước khi cấp bằng bảo hộ, người nộp đơn phải đề nghị đổi tên giống đồng thời đề xuất tên mới cho giống cây trồng đã đăng ký và nộp lệ phí theo quy định.

4. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng có trách nhiệm thông báo mọi thông tin liên quan đến tên giống cây trồng tới cơ quan có thẩm quyền của quốc gia có ký thỏa thuận với Việt Nam về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

5. Tên chính thức của giống cây trồng là tên được thừa nhận tại thời điểm ban hành quyết định cấp bằng bảo hộ giống cây trồng.

Điều 14. Thẩm định tính mới

1. Thẩm định tính mới của giống cây trồng đăng ký bảo hộ gồm các nội dung sau:

a) Thẩm định các thông tin trong tờ khai đăng ký bảo hộ;

b) Xử lý các ý kiến phản hồi, khiếu nại (nếu có) về tính mới của giống cây trồng đăng ký bảo hộ sau khi đơn được công bố.

2. Giống cây trồng không mất tính mới trong trường hợp trước ngày nộp đơn một năm, chủ đơn hoặc người được chủ đơn ủy quyền tiến hành chuyển giao vật liệu nhân của giống cây trồng đăng ký bảo hộ để khảo nghiệm, sản xuất thử tại Việt Nam nhằm mục đích công nhận giống cây trồng đó theo quy định.

Điều 15. Các hình thức khảo nghiệm kỹ thuật

1. Khảo nghiệm kỹ thuật được thực hiện theo 1 trong 4 hình thức sau:

a) Khảo nghiệm kỹ thuật do tổ chức, cá nhân khảo nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định;

b) Khảo nghiệm kỹ thuật do người nộp đơn tự thực hiện;

c) Sử dụng kết quả khảo nghiệm kỹ thuật đã có do người nộp đơn cung cấp;

d) Hợp đồng với tổ chức, cá nhân của nước là thành viên UPOV để khảo nghiệm hoặc để mua kết quả khảo nghiệm đã có.

2. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng căn cứ vào đơn đăng ký và điều kiện thực tế để lựa chọn một trong những hình thức khảo nghiệm kỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp khảo nghiệm kỹ thuật tiến hành trên lãnh thổ Việt Nam, phải theo quy phạm khảo nghiệm DUS do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành; trường hợp chưa ban hành thì theo quy phạm khảo nghiệm của UPOV.

4. Trường hợp thuộc điểm a khoản 1 Điều này, nếu kết quả khảo nghiệm chưa thỏa đáng, người nộp đơn có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân khảo nghiệm đã thực hiện khảo nghiệm trước đó hoặc tổ chức, cá nhân khảo nghiệm được chỉ định khác thực hiện khảo nghiệm lại và phải nộp phí khảo nghiệm lại theo quy định. Yêu cầu khảo nghiệm lại phải được làm bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và chứng cứ chứng minh yêu cầu khảo nghiệm lại.

5. Phí khảo nghiệm quy định tại khoản 4 Điều này sẽ được trả lại cho người nộp đơn nếu kết quả khảo nghiệm lại cho thấy lý do và chứng cứ của người nộp đơn đưa ra là đúng.

Điều 16. Điều kiện tổ chức, cá nhân khảo nghiệm được chỉ định

1. Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm kỹ thuật được chỉ định phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có chức năng khảo nghiệm hoặc nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng;

b) Có địa điểm và diện tích đất đai phù hợp để bố trí thí nghiệm khảo nghiệm theo yêu cầu khảo nghiệm đối với loài cây trồng được chỉ định khảo nghiệm;

c) Có thiết bị chuyên ngành hoặc có hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác để phân tích, đánh giá các chỉ tiêu theo yêu cầu khảo nghiệm đối với loài cây trồng được chỉ định khảo nghiệm;

d) Có ít nhất 01 cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học chuyên ngành và có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về khảo nghiệm kỹ thuật hoặc đã trực tiếp làm công tác khảo nghiệm kỹ thuật ít nhất 02 năm;

đ) Có bộ mẫu giống của các giống cây trồng được biết đến rộng rãi thuộc loài cây trồng được chỉ định khảo nghiệm.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết về điều kiện tổ chức, cá nhân khảo nghiệm kỹ thuật được chỉ định.

Điều 17. Điều kiện khảo nghiệm kỹ thuật do người nộp đơn thực hiện

1. Người nộp đơn được tự thực hiện khảo nghiệm kỹ thuật đối với giống đăng ký bảo hộ trên lãnh thổ Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có địa điểm và diện tích đất đai phù hợp để bố trí thí nghiệm khảo nghiệm đối với giống cây trồng được khảo nghiệm;

b) Có thiết bị chuyên ngành hoặc có hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác để phân tích, đánh giá các chỉ tiêu theo yêu cầu khảo nghiệm đối với giống cây trồng được khảo nghiệm;

c) Có các giống đối chứng phù hợp sẽ gieo trồng với giống khảo nghiệm trong thí nghiệm khảo nghiệm kỹ thuật;

d) Có hoặc hợp đồng với ít nhất 01 cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học chuyên ngành và có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về khảo nghiệm kỹ thuật hoặc đã trực tiếp làm công tác khảo nghiệm kỹ thuật ít nhất 02 năm.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết điều kiện người nộp đơn được phép tự khảo nghiệm và việc kiểm tra tại chỗ thí nghiệm khảo nghiệm kỹ thuật do người nộp đơn thực hiện.

Điều 18. Nộp mẫu giống

1. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng yêu cầu người nộp đơn thuộc đối tượng phải thực hiện khảo nghiệm trong trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều 15 của Nghị định này phải nộp mẫu giống cho cơ quan khảo nghiệm kỹ thuật trước thời vụ gieo trồng ít nhất hai mươi (20) ngày.

2. Người nộp đơn thuộc đối tượng nêu tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 15 của Nghị định này không phải nộp mẫu giống cho cơ quan khảo nghiệm kỹ thuật nhưng phải nộp cho cơ quan lưu giữ mẫu giống theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Việc lưu giữ mẫu giống của giống đăng ký nêu tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Mẫu giống bằng hạt được lưu giữ tại cơ quan lưu giữ mẫu giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định;

b) Đối với mẫu giống của các loài cây trồng sinh sản vô tính, người nộp đơn tự lưu giữ mẫu giống và phải nêu địa điểm lưu giữ trong đơn đăng ký bảo hộ.

4. Khi nhận mẫu giống, cơ quan khảo nghiệm kỹ thuật hoặc cơ quan lưu giữ kiểm tra chất lượng mẫu giống, viết phiếu xác nhận nếu mẫu giống đạt yêu cầu. Trường hợp mẫu giống không đạt yêu cầu, cơ quan khảo nghiệm kỹ thuật hoặc cơ quan lưu giữ mẫu giống có quyền yêu cầu người nộp đơn cung cấp lại mẫu giống.

5. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận mẫu giống, cơ quan nhận mẫu giống phải tiến hành kiểm nghiệm chất lượng và thông báo kết quả cho người nộp đơn. Trường hợp mẫu giống không đủ tiêu chuẩn theo quy phạm khảo nghiệm, cơ quan nhận mẫu giống yêu cầu người nộp đơn cung cấp lại mẫu giống. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, người nộp đơn phải cung cấp mẫu giống đủ tiêu chuẩn.

6. Cơ quan lưu giữ mẫu giống có trách nhiệm bảo đảm an toàn mẫu giống. Trường hợp người nộp đơn có các yêu cầu phù hợp, cơ quan lưu giữ mẫu giống có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin liên quan đến mẫu giống theo yêu cầu của người nộp đơn.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết thời hạn nộp mẫu giống, quản lý và sử dụng mẫu giống cây trồng.

Điều 19. Thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật

1. Báo cáo kết quả khảo nghiệm kỹ thuật, bao gồm bản mô tả giống được làm theo mẫu.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc khảo nghiệm, cơ quan khảo nghiệm kỹ thuật hoặc người nộp đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Nghị định này gửi báo cáo kết quả khảo nghiệm kỹ thuật về cơ quan bảo hộ giống cây trồng.

3. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng tiến hành thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ. Trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng chuyên ngành để thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật, thời gian thẩm định không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày thành lập Hội đồng chuyên ngành.

Điều 20. Cấp bằng bảo hộ giống cây trồng

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định cấp bằng bảo hộ giống cây trồng đối với giống cây trồng đăng ký bảo hộ đáp ứng các điều kiện

quy định tại Điều 159, 161, 162 của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 19, 20 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày ký, Quyết định cấp bằng bảo hộ phải công bố trên tạp chí chuyên ngành về giống cây trồng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sau ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định cấp bằng bảo hộ giống cây trồng được công bố trên tạp chí chuyên ngành về giống cây trồng, nếu không nhận được ý kiến phản đối hoặc khiếu nại bằng văn bản về việc cấp bằng, cơ quan bảo hộ giống cây trồng tiến hành cấp bằng bảo hộ giống cây trồng cho người nộp đơn và vào sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định cấp bằng bảo hộ giống cây trồng được công bố trên tạp chí chuyên ngành về giống cây trồng, nếu cơ quan bảo hộ giống cây trồng nhận được ý kiến phản đối hoặc khiếu nại bằng văn bản về việc cấp bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải xử lý theo quy định tại Điều 184 của Luật Sở hữu trí tuệ.

4. Bằng bảo hộ giống cây trồng chỉ được cấp một (01) bản.

5. Người nộp đơn phải nộp các khoản phí và lệ phí cho việc cấp bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định. Trường hợp bằng bảo hộ bị rách, hỏng, mất hoặc đổi chủ sở hữu, chủ sở hữu bằng bảo hộ giống cây trồng có quyền yêu cầu cấp lại hoặc đổi và phải trả phí theo quy định.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết thủ tục đổi, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng.

Điều 21. Đình chỉ, phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng

1. Trường hợp bằng bảo hộ giống cây trồng bị đình chỉ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 170 của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan bảo hộ giống cây trồng tiến hành việc đình chỉ theo quy định sau:

a) Trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng của bất kỳ bên thứ ba nào, cơ quan bảo hộ giống cây trồng phải hoàn thành việc xác minh thông tin nêu trong đơn yêu cầu và thông báo cho chủ bằng bảo hộ giống cây trồng. Yêu cầu đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng phải được thể hiện bằng văn bản kèm theo chứng cứ chứng minh giống cây trồng không đáp ứng tính đồng nhất và tính ổn định như tại thời điểm cấp bằng bảo hộ và nộp phí khảo nghiệm lại (trường hợp quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này);

b) Sau ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan bảo hộ giống cây trồng về ý kiến phản hồi quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này mà chủ

bằng bảo hộ giống cây trồng không có đơn phản đối thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng. Thời điểm đình chỉ có hiệu lực tính từ ngày ký quyết định đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ và được công bố trên tạp chí chuyên ngành về giống cây trồng;

c) Trường hợp chủ bằng bảo hộ giống cây trồng có đơn phản đối thì cơ quan bảo hộ giống cây trồng yêu cầu chủ bằng bảo hộ thực hiện các thủ tục khảo nghiệm lại như quy định tại khoản 4 Điều 15 của Nghị định này. Nếu kết quả khảo nghiệm lại do cơ quan khảo nghiệm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 của Nghị định này thực hiện cho thấy giống cây trồng không đáp ứng tính đồng nhất hoặc tính ổn định như tại thời điểm cấp bằng thì cơ quan bảo hộ giống cây trồng làm thủ tục đình chỉ như quy định tại điểm b khoản này và trả lại phí khảo nghiệm lại cho người yêu cầu đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ.

2. Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 170 của Luật Sở hữu trí tuệ, căn cứ vào kết quả khảo nghiệm lại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định phục hồi hoặc không phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng.

Điều 22. Sổ đăng ký quốc gia

1. Giống cây trồng được bảo hộ được quản lý vào Sổ đăng ký quốc gia.

2. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng có trách nhiệm lập và lưu giữ Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ. Mọi thông tin về bằng bảo hộ giống cây trồng và những thay đổi trong thời hạn hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng được lưu giữ vào sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ.

3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan bảo hộ giống cây trồng cung cấp các thông tin trong Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ và phải nộp phí, lệ phí theo quy định.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ BẰNG BẢO HỘ

Điều 23. Mở rộng quyền của chủ bằng bảo hộ

Các phương pháp tác động vào giống được bảo hộ (giống ban đầu) để tạo ra giống cây trồng mới có những tính trạng khác biệt với giống ban đầu theo quy định tại điểm 1 khoản 23 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ gồm: chuyển gen, lai trở lại, chọn lọc biến dị tự nhiên hay nhân tạo hoặc biến dị soma, chọn lọc cá thể biến dị từ quần thể giống ban đầu.

Điều 24. Nghĩa vụ của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng

Theo quy định tại khoản 1 Điều 191 của Luật Sở hữu trí tuệ, chủ bằng bảo hộ có các nghĩa vụ sau:

1. Trả thù lao cho tác giả giống cây trồng theo một trong các hình thức sau:

a) Theo thỏa thuận giữa chủ bằng bảo hộ và tác giả giống cây trồng;

b) Trường hợp không thỏa thuận được, mức thù lao trả cho tác giả là 35% số tiền thu được ghi trên hợp đồng chuyển giao, chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng sau khi nộp thuế theo quy định. Nếu chủ bằng bảo hộ sử dụng giống cây trồng được bảo hộ để sản xuất, kinh doanh thì phải trả cho tác giả 10% số tiền làm lợi mà chủ bằng bảo hộ thu được, trừ trường hợp chủ bằng bảo hộ là bên nhận chuyển nhượng;

c) Đối với giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước, chủ bằng bảo hộ trả thù lao cho tác giả theo quy chế nội bộ. Trường hợp không có quy định trong quy chế nội bộ, thì áp dụng như điểm b khoản 1 Điều này;

d) Trong trường hợp giống cây trồng được tạo ra bởi đồng tác giả, mức thù lao quy định tại khoản 1 Điều này là mức dành cho tất cả các đồng tác giả; các đồng tác giả tự thỏa thuận việc phân chia số tiền thù lao do chủ bằng bảo hộ chi trả;

đ) Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả giống cây trồng tồn tại trong suốt thời hạn bảo hộ của giống cây trồng đó, trừ trường hợp giống cây trồng được bảo hộ đã được chuyển nhượng.

2. Nộp lệ phí duy trì hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng cho cơ quan bảo hộ giống cây trồng trong thời hạn ba (03) tháng sau ngày cấp bằng bảo hộ đối với năm hiệu lực đầu tiên và tháng đầu tiên của năm hiệu lực tiếp theo đối với các năm sau.

3. Lưu giữ giống cây trồng được bảo hộ, cung cấp thông tin, tài liệu và vật liệu nhân giống của giống cây trồng được bảo hộ theo yêu cầu của cơ quan bảo hộ giống cây trồng; duy trì tính ổn định của giống cây trồng được bảo hộ theo như các tính trạng mô tả tại thời điểm cấp bằng bảo hộ giống cây trồng.

Chương IV

CHUYỂN GIAO, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG ĐƯỢC BẢO HỘ

Điều 25. Nội dung hợp đồng chuyển giao, chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ

1. Nội dung hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ bao gồm:

a) Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển quyền và bên được chuyển quyền;

b) Căn cứ chuyển giao quyền sử dụng;

c) Phạm vi chuyển giao, gồm giới hạn quyền sử dụng, giới hạn lãnh thổ;

d) Thời hạn hợp đồng;

đ) Giá chuyển giao quyền sử dụng;

e) Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển quyền và bên được chuyển quyền;

g) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

2. Nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ bao gồm:

a) Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng;

b) Căn cứ chuyển nhượng;

c) Nội dung chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng;

d) Giá chuyển nhượng và phương thức thanh toán;

đ) Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng;

e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Điều 26. Chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ

1. Sau khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật, bên chuyển nhượng phải nộp hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng tại cơ quan bảo hộ giống cây trồng và phải nộp lệ phí theo quy định.

2. Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng bao gồm:

a) 02 bản Tờ khai đăng ký theo mẫu;

b) 02 bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao hợp lệ), hợp đồng làm bằng tiếng Việt hoặc phải dịch ra tiếng Việt, từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc dấu giáp lai;

c) Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ bằng bảo hộ giống cây trồng;

d) Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, đối với trường hợp giống cây trồng thuộc sở hữu chung;

đ) Chứng từ nộp phí, lệ phí;

e) Trường hợp giống cây trồng được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thì phải bổ sung các tài liệu chứng minh việc chuyển nhượng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị định này.

3. Cơ quan bảo hộ giống cây trồng thẩm định hồ sơ đăng ký trong thời hạn ba mười (30) ngày, kể từ ngày nhận đơn để xác định tính hợp lệ của đơn.

4. Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp lệ, không có sai sót, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng ghi nhận chủ sở hữu mới là bên nhận chuyển nhượng; ghi nhận việc chuyển nhượng quyền chủ sở hữu bằng bảo hộ giống cây trồng vào Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ và công bố trên tạp chí chuyên ngành về giống cây trồng.

5. Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ, có sai sót, cơ quan bảo hộ giống cây trồng thông báo rõ các thiếu sót của hồ sơ, ấn định thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày ký thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa các thiếu sót. Sau thời hạn trên, nếu người nộp hồ sơ không sửa chữa thì chấm dứt việc thẩm định hồ sơ đăng ký.

Điều 27. Chuyển giao, chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển bằng ngân sách nhà nước

1. Việc chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển bằng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chuyển giao công nghệ.

2. Việc quản lý và sử dụng tiền thu được từ chuyển giao, chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển bằng ngân sách nhà nước sau khi nộp thuế theo quy định được thực hiện như sau:

a) Chủ bằng bảo hộ quy định cụ thể, công khai mức thù lao trả cho tác giả giống cây trồng trong quy chế nội bộ; trường hợp không có quy định trong quy chế nội bộ, thì áp dụng như điểm b khoản 1 Điều 24 của Nghị định này; số tiền còn lại được sử dụng 50% cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; 50% cho quỹ phúc lợi, khen thưởng của đơn vị hoặc bộ phận trực tiếp tạo ra giống cây trồng được bảo hộ;

b) Trường hợp giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có một phần từ ngân sách nhà nước thì việc quản lý và sử dụng số tiền thu được tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà nước được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 28. Thẩm quyền quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với những giống cây trồng được bảo hộ thuộc các loài cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với những giống cây trồng được bảo hộ sử dụng với mục đích làm thuốc.

Điều 29. Các trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của xã hội

1. Các trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của xã hội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 195 của Luật Sở hữu trí tuệ, bao gồm: khắc phục các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo công khai nhu cầu về giống, tên giống cây trồng, mục đích, lượng giống cần sử dụng, phạm vi, thời gian đáp ứng mục đích chuyển giao và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký.

Điều 30. Nguyên tắc xác định giá đền bù đối với việc bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng

Nguyên tắc xác định giá đền bù đối với việc chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng dựa trên quy định như sau:

1. Bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao tự thỏa thuận;

2. Trường hợp các bên không thỏa thuận được, giá đền bù được xác định như sau:

a) Giá trị của hợp đồng chuyển giao cùng giống đó cho một đối tượng khác tại thời điểm gần nhất, tương ứng với thời gian và số lượng giống bị bắt buộc chuyển giao quyền;

b) Giá trị lợi nhuận của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng thu được từ việc sử dụng giống cây trồng đó tương ứng với khối lượng và thời gian giống phải chuyển giao;

c) Trường hợp không có căn cứ quy định tại điểm a, b khoản này, giá đền bù được xem xét dựa trên chi phí thực tế tạo ra giống cây trồng đó.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trưng cầu tổ chức định giá đền bù hoặc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thành lập Hội đồng thẩm định giá đền bù cụ thể cho các trường hợp thuộc khoản 2 Điều này.

Điều 31. Thủ tục chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng giống cây trồng có quyền nộp hồ sơ đăng ký nhận chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo quyết định bắt buộc trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 195 của Luật Sở hữu trí tuệ. Tổ chức, cá nhân không đạt được thỏa thuận sử dụng giống cây trồng hoặc bị cản trở cạnh tranh có quyền nộp hồ sơ đăng ký nhận chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo quyết định bắt buộc trong trường hợp quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 195 của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Hồ sơ chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng bao gồm:

a) 02 bản Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng làm theo mẫu, trong đó phải nêu rõ phạm vi và thời hạn nhận chuyển giao bắt buộc;

b) Giấy chứng nhận đăng ký sản xuất, kinh doanh giống cây trồng;

c) Báo cáo năng lực tài chính để thực hiện việc đền bù cho bên chuyển giao theo quy định;

d) Tài liệu chứng minh yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng là có căn cứ xác đáng theo quy định của pháp luật, đối với trường hợp quy định tại b, c khoản 1 Điều 195 của Luật Sở hữu trí tuệ.

đ) Giấy ủy quyền trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua đại diện;

e) Chứng từ nộp lệ phí.

3. Trình tự, thủ tục chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 195 của Luật Sở hữu trí tuệ:

a) Cơ quan bảo hộ giống cây trồng tiếp nhận hồ sơ nêu tại khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng và thông báo quyết định cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao để thi hành.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 195 của Luật Sở hữu trí tuệ:

a) Cơ quan bảo hộ giống cây trồng tiếp nhận hồ sơ nêu tại khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng;

c) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày ra thông báo, người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng phải trả lời bằng văn bản;

d) Trường hợp người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng không đồng ý với yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng, trong vòng 15 (mười lăm) ngày Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản;

đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng nếu yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng phù hợp với quy định và thông báo quyết định cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao để thi hành;

e) Trường hợp yêu cầu ra quyết định chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng không có căn cứ xác đáng theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 195 của Luật Sở hữu trí tuệ thì ra thông báo từ chối, có nêu rõ lý do từ chối.

Điều 32. Sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ

1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 197 của Luật Sở hữu trí tuệ, người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 29 của Nghị định này sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ và phải nộp phí, lệ phí theo quy định.

2. Quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng:

a) Được sửa đổi khi điều kiện dẫn đến việc ra quyết định chuyển giao bắt buộc đã thay đổi;

b) Bị đình chỉ khi điều kiện dẫn đến việc ra quyết định chuyển giao bắt buộc không còn tồn tại;

c) Bị hủy bỏ khi có căn cứ chứng minh quyết định chuyển giao bắt buộc là trái quy định pháp luật.

3. Hồ sơ yêu cầu sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản yêu cầu sửa đổi về giá chuyển giao, lượng giống, phạm vi và thời gian chuyển giao; đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ;

b) Tài liệu chứng minh việc sửa đổi, hủy bỏ, đình chỉ hiệu lực quyết định chuyển giao bắt buộc là có căn cứ theo khoản 2 Điều này và không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng bắt buộc;

c) Giấy ủy quyền trong trường hợp nộp yêu cầu thông qua đại diện;

d) Chứng từ nộp lệ phí.

4. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ:

a) Tiếp nhận hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, tổ chức thẩm định và ban hành quyết định sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng;

c) Trường hợp yêu cầu sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng không có căn cứ xác đáng theo quy định tại Điều 195 của Luật Sở hữu trí tuệ thì ra thông báo từ chối, có nêu rõ lý do từ chối;

d) Thông báo quyết định cho bên chuyển giao bắt buộc và bên nhận chuyển giao để thi hành.

Chương V
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 33. Dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng

Dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng bao gồm:

1. Đại diện cho tổ chức, cá nhân trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xác lập và bảo đảm thực thi quyền đối với giống cây trồng.

2. Tư vấn về vấn đề liên quan đến thủ tục xác lập và thực thi quyền đối với giống cây trồng.

3. Các dịch vụ khác liên quan đến thủ tục xác lập và thực thi quyền đối với giống cây trồng.

Điều 34. Phạm vi quyền của đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng chỉ được thực hiện các dịch vụ trong phạm vi được ủy quyền và được phép ủy quyền lại cho tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng khác, nếu được sự đồng ý bằng văn bản của người ủy quyền.

2. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng có quyền từ bỏ hoạt động đại diện quyền đối với giống cây trồng nếu đã chuyển giao một cách hợp pháp

công việc đại diện chưa hoàn tất cho tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng khác.

3. Đại diện quyền đối với giống cây trồng không được thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Đồng thời đại diện cho các bên tranh chấp với nhau về quyền đối với giống cây trồng;

b) Rút đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ, tuyên bố từ bỏ sự bảo hộ, rút đơn khiếu nại về việc xác lập quyền đối với giống cây trồng nếu không được bên ủy quyền đại diện cho phép;

c) Lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

d) Sử dụng hoặc tiết lộ các thông tin liên quan đến đơn đăng ký bảo hộ chưa được công bố bởi cơ quan bảo hộ giống cây trồng.

Điều 35. Trách nhiệm của đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Đại diện quyền đối với giống cây trồng có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo rõ các khoản, các mức phí và lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo đảm thực thi quyền đối với giống cây trồng; các khoản và các mức chi phí dịch vụ theo bảng chi phí dịch vụ đã đăng ký tại cơ quan bảo hộ giống cây trồng;

b) Giữ bí mật thông tin, tài liệu được giao liên quan đến vụ việc mà mình đại diện;

c) Thông tin trung thực và đầy đủ mọi thông báo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xác lập và bảo đảm thực thi quyền đối với giống cây trồng; giao kịp thời bằng bảo hộ và các quyết định khác cho bên được đại diện;

d) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên được đại diện bằng cách đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xác lập và bảo đảm thực thi quyền đối với giống cây trồng đối với bên được đại diện;

đ) Thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo đảm thực thi quyền đối với giống cây trồng mọi thay đổi về tên, địa chỉ và các thông tin khác của bên được đại diện; thông tin thay đổi về tên, địa chỉ, người đại diện của bên đại diện.

2. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng phải chịu trách nhiệm dân sự đối với người thực hiện hoạt động đại diện quyền đối với giống cây trồng nhân danh mình.

3. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và cá nhân đăng ký hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng phải nộp phí, lệ phí theo quy định.

Điều 36. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng cho cá nhân có đủ các điều kiện quy định tại điểm 5 khoản 21 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Cá nhân được coi là đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng nếu có luận văn tốt nghiệp đại học, sau đại học về đề tài quyền đối với giống cây trồng.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định cụ thể về chương trình đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng và kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Điều 37. Ghi nhận, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện kinh doanh, hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại các điểm 2, 3, 4, 5 khoản 21 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện quyền đối với giống cây trồng và công bố trên tạp chí chuyên ngành về giống cây trồng.

2. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng bị xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện quyền đối với giống cây trồng và công bố trên tạp chí chuyên ngành về giống cây trồng về việc bị xóa tên trong các trường hợp sau đây:

a) Từ bỏ kinh doanh dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

b) Không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại các điểm 2, 3, 4, 5 khoản 21 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định tại khoản 3 Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này;

d) Có sai phạm nghiêm trọng trong khi tiến hành dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, xã hội;

đ) Lợi dụng danh nghĩa đại diện quyền đối với giống cây trồng để thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị định này.

3. Việc xem xét yêu cầu ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện quyền đối với giống cây trồng trong trường hợp đã bị xóa tên theo quy định tại khoản 2 Điều này chỉ được tiến hành sau thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày bị xóa tên.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện ghi nhận, ghi nhận lại, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Điều 38. Cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng được cấp cho cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 5 khoản 21 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ theo yêu cầu của cá nhân đó sau khi đã nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng bị thu hồi chứng chỉ trong các trường hợp sau đây:

a) Từ bỏ hoạt động đại diện quyền đối với giống cây trồng;

b) Không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 5 khoản 21 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định tại khoản 3 Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này;

d) Có sai phạm nghiêm trọng trong khi hành nghề đại diện quyền đối với giống cây trồng, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, xã hội;

đ) Lợi dụng danh nghĩa đại diện quyền đối với giống cây trồng để thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị định này.

3. Việc xem xét yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng trong trường hợp đã bị thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều này chỉ được tiến hành sau thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày bị thu hồi.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng nộp cho cơ quan bảo hộ giống cây trồng trước ngày Nghị định này có hiệu lực được xử lý theo các quy định của những văn bản pháp luật về bảo hộ giống cây trồng liên quan có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn.

2. Những đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng nộp từ ngày Nghị định này có hiệu lực được áp dụng theo các quy định của Nghị định này.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 và thay thế Nghị định số 104/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

Điều 41. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng